PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1605/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

b) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động;

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả;

- Phát triển và hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu lớn, trước hết tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về con người, tài nguyên và môi trường, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại, bảo đảm tính cấu trúc, hệ thống, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử;

- Hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc;

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 100% các cuộc họp của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể được thực hiện trên môi trường mạng;

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để 100% hồ sơ quản lý cán bộ, công chức các cấp có thể được quản lý chung trên mạng với quy mô quốc gia;

- Triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc tới 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các cơ quan nhà nước từ cấp quận, huyện, Sở, Ban, ngành hoặc tương đương trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy

đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp;

- 50% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được nộp qua mạng;

- 90% cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố triển khai thủ tục hải quan điện tử;

- Tất cả kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, kết quả đấu thầu, danh sách nhà thầu tham gia được đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia; khoảng 20% số gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn nhà nước được thực hiện qua mạng; thí điểm hình thức mua sắm chính phủ tập trung trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- 100% hộ chiếu được cấp cho công dân Việt Nam phục vụ công tác xuất, nhập cảnh là hộ chiếu điện tử;

- 30% công dân Việt Nam đủ độ tuổi theo quy định được cấp chứng minh nhân dân sản xuất trên dây chuyền hiện đại, với một số chứng minh nhân dân duy nhất không trùng lặp, chống được làm giả;

- 30% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

II. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập được môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

2. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có của các doanh nghiệp viễn thông, kết nối tới cấp đơn vị trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác trong hệ thống chính trị, tới cấp xã, phường trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

2. Phát triển Trung tâm thông tin dữ liệu điện tử Chính phủ.

3. Phát triển hệ thống xác thực quốc gia.

4. Xây dựng, triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

5. Xây dựng Trung tâm kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương, hướng tới bảo đảm liên thông giữa các hệ thống thông tin của cơ quan, cung cấp dịch vụ công hiệu quả, linh hoạt cho người dân và doanh nghiệp.

6. Tích hợp các hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan Đảng ở Trung ương, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cấp cao của Đảng.

7. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, các giải pháp an toàn, an ninh thông tin,...

8. Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa và các hình thức khác.

II. PHÁT TRIỂN CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU LỚN

1. Các hệ thống thông tin

- Quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc tới cơ quan nhà nước các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi.

- Thư điện tử quốc gia.

- Giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Quản lý, theo dõi chương trình công tác của Chính phủ.

- Mạng thông tin điện tử phục vụ trao đổi thông tin giữa Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước.

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

- Tài chính tích hợp, Giám sát thị trường tài chính.

- Nộp tờ khai thuế qua mạng Internet.

- Triển khai thủ tục hải quan điện tử.
- Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ.
- Quản lý thông tin đầu tư nước ngoài.
- Kinh tế - xã hội.
- Phân tích và dự báo kinh tế - xã hội.
- Theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm.
- Theo dõi, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn của Nhà nước.
- Hộ chiếu điện tử.
- Cấp và quản lý chứng minh nhân dân.
- Bệnh án điện tử và quản lý hệ thống khám chữa bệnh.
- Tư vấn y tế, khám chữa bệnh từ xa.
- Văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương.
- Thống kê về xây dựng.
- Liệt sĩ và thương bệnh binh.
- Kiểm toán nhà nước.
- Quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
- Văn hóa - xã hội.
- Quản lý án hình sự.
- Mạng giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.
- Tin học hóa quản lý giáo dục.
- Kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường.
- Quản lý, thống kê án kinh tế, lao động, hành chính, án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình ngành Tòa án nhân dân.
- Quản lý và hiện đại hóa Ngân hàng.
- Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Các cơ sở dữ liệu

- Thủ tục hành chính trên Internet.
- Cán bộ, công chức, viên chức.
- Kinh tế công nghiệp và thương mại.
- Tài nguyên và môi trường.

- Biên giới lãnh thổ.
- Các dự án đầu tư.
- Doanh nghiệp.
- Dân cư.
- Tài chính.

III. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của các cấp.

2. Phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể.

3. Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác tại mỗi cơ quan.

4. Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong công tác nội bộ theo hướng hiệu quả hơn, mở rộng kết nối.

IV. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

1. Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và được thông báo tình trạng xử lý các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước qua mạng.

2. Cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp. Cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Danh mục nhóm các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp tối thiểu ở mức độ 3 tại các tỉnh, thành phố được nêu trong Phụ lục I, tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ được nêu trong Phụ lục II. Danh mục nhóm các dịch vụ này có thể được cập nhật, thay đổi hàng năm phù hợp thực tế triển khai trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chủ trì thực hiện.

3. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông theo hướng: Bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong

quy trình xử lý thủ tục; bảo đảm tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính.

4. Xây dựng các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các địa phương, đặc biệt là các hệ thống thông tin về dân cư, tài nguyên và môi trường. Căn cứ nhu cầu quản lý thực tế, xây dựng các hệ thống thông tin quy mô quốc gia trên cơ sở kết nối, tổng hợp thông tin từ địa phương các cấp.

5. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan nhà nước bằng cách nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn trên quy mô toàn quốc.

II. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với một số địa phương khó khăn để bảo đảm kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các địa phương nhằm bảo đảm sự kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước khi triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn có quy mô quốc gia. Các cơ quan chủ trì triển khai các hệ thống này có trách nhiệm đề xuất hỗ trợ kinh phí cho các địa phương trên cơ sở nhu cầu thực tế, bảo đảm tránh trùng lặp, lãng phí. Mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ cụ thể hàng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

III. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội khác bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của mình từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động thuộc phạm vi của địa phương. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương phải bảo đảm kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

V. Triển khai thí điểm hình thức hợp tác Nhà nước - Doanh nghiệp (PPP) đối với một số dự án trọng điểm trong Chương trình, bao gồm: Hệ thống thư điện tử quốc gia; Hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc cho các cơ quan

Chính phủ; Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (giai đoạn 3) kết nối tới cấp xã, phường và đơn vị trực thuộc các cơ quan Trung ương.

VI. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trung ương để triển khai các nội dung của Chương trình này.

VII. Dự kiến kinh phí từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương dành cho các dự án, nhiệm vụ có quy mô quốc gia được nêu trong Phụ lục III của Chương trình là khoảng 1.700 tỷ đồng.

D. GIẢI PHÁP

I. TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH

1. Tăng cường hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành.

2. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải kiểm điểm trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ nếu không hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này.

3. Người đứng đầu các cơ quan phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào cơ quan mình.

4. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế cần tăng năng suất lao động, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi khi triển khai.

5. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý công nghệ thông tin các cấp, đặc biệt là cấp quận, huyện trở xuống.

6. Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính, quá trình cải cách hành chính đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cho ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường công tác cải tiến quy trình làm việc, chuẩn hóa nghiệp vụ để có thể ứng dụng công nghệ thông tin.

II. BẢO ĐẢM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỒNG BỘ

1. Có hướng dẫn chung trên quy mô quốc gia về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, đặc biệt là cấp quận, huyện, phường, xã, phổ biến triển khai nhân rộng.

III. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng.

2. Xây dựng các phương pháp đánh giá khoa học về ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp điều kiện thực tế tại các cơ quan nhà nước và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin của Quốc gia.

IV. NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh và xã hội hóa việc bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác Internet cho người dân.

2. Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức.

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho giám đốc công nghệ thông tin.

4. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

5. Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

6. Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức.

V. BẢO ĐẢM MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

1. Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

2. Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn quốc. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị để trao đổi các văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước. Phát triển các hình thức thuê, khoán trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Xây dựng các quy định nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

5. Xây dựng các quy trình, chuẩn nội dung tích hợp thông tin từ cấp xã, huyện, tỉnh về các Bộ và Văn phòng Chính phủ.

6. Xây dựng, ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia.

7. Xây dựng, ban hành các chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

8. Xây dựng quy định ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước.

9. Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

10. Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, trước hết là các văn bản hướng dẫn Nghị định số 102/2009/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm:

a) Bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước;

b) Hướng dẫn quản lý đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin;

d) Xây dựng danh mục, cơ chế mua sắm các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước.

VI. HỌC TẬP KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

1. Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển Chính phủ điện tử thành công tại các nước.

2. Đào tạo chuyên gia phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam.

3. Phát triển các hệ thống thông tin lớn trong Chính phủ điện tử ở Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Căn cứ Chương trình này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2015 của cơ quan mình, xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách ứng

dụng công nghệ thông tin hàng năm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách trung ương cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin cùng thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan tới Bộ Tài chính;

b) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng và đột xuất tình hình thực hiện Chương trình này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia, báo cáo tình hình thực hiện với Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các cơ quan chủ trì các dự án, nhiệm vụ có quy mô quốc gia được nêu trong Phụ lục III có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ này theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này;

b) Tăng cường hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

c) Xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin, trước hết là các văn bản hướng dẫn Nghị định số 102/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin, các chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử giữa các cơ quan nhà nước;

đ) Hướng dẫn các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin;

e) Thẩm tra các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước

cấp Trung ương khác về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan;

g) Thẩm định thiết kế sơ bộ các dự án được nêu trong Phụ lục III;

h) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương khác xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo thường xuyên tình hình thực hiện Chương trình này;

i) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình này; xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các điều chỉnh nội dung Chương trình cho phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn quốc;

k) Nghiên cứu, đề xuất các phương án nâng cao hiệu quả sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

l) Nghiên cứu, đề xuất bộ tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện thành công Chương trình này của các cơ quan nhà nước và phương pháp đánh giá mức độ sử dụng và hài lòng của người dân đối với các dịch vụ Chính phủ điện tử;

m) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ để triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước 5 năm và hàng năm. Xây dựng tài liệu, tổ chức đào tạo và tập huấn về quản lý dự án công nghệ thông tin;

n) Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

o) Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

p) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giám đốc công nghệ thông tin và cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cấp;

q) Chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

r) Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, phổ biến triển khai nhân rộng;

s) Nghiên cứu, xây dựng cổng thông tin điện tử quốc gia hỗ trợ các tổ chức, cá nhân truy nhập đến thông tin, dữ liệu của các cơ quan nhà nước;

t) Nghiên cứu triển khai thí điểm, phổ biến nhân rộng hệ thống quản lý thông tin tổng thể;

u) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, quy định ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước;

v) Xây dựng danh mục, cơ chế mua sắm các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí đủ vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí đủ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước;

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện Chương trình.

6. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với Chương trình cải cách hành chính;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn quốc.

7. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng các quy định nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng các quy trình, chuẩn nội dung tích hợp thông tin từ cấp xã, huyện, tỉnh về các Bộ và Văn phòng Chính phủ.

8. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

9. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng hệ thống thông tin dân cư tại cơ quan nhà nước các cấp.

10. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường tại cơ quan nhà nước các cấp.

11. Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam căn cứ Chương trình này để có quy định phù hợp trong cơ quan, tổ chức mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

Phụ lục I

DANH MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TỐI THIỂU MỨC ĐỘ 3 TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký kinh doanh
2	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
3	Cấp giấy phép xây dựng
4	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
5	Cấp giấy phép đầu tư
6	Cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược
7	Lao động, việc làm
8	Cấp, đổi giấy phép lái xe
9	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
10	Đăng ký tạm trú, tạm vắng
11	Dịch vụ đặc thù

Phụ lục II

DANH MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TỐI THIỂU MỨC ĐỘ 3 TẠI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

I. BỘ QUỐC PHÒNG

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký khám tuyển nghĩa vụ Quân sự
2	Tìm kiếm hồ sơ liệt sỹ trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

II. BỘ CÔNG AN

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Giải quyết đơn thư, khiếu nại
2	Cung cấp thông tin và khai báo hộ khẩu, hộ tịch, tạm trú, cư trú
3	Cấp hộ chiếu
4	Cung cấp thông tin và khai báo chứng minh nhân dân
5	Cung cấp thông tin về tội phạm, đối tượng truy nã
6	Cung cấp thông tin và khai báo thủ tục cấp giấy phép, bằng lái xe ô tô, xe máy

III. BỘ NGOẠI GIAO

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký trực tuyến cấp hộ chiếu ngoại giao, công vụ, công hàm xin thị thực
2	Đăng ký trực tuyến cấp hộ chiếu cho người Việt Nam ở nước ngoài
3	Hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự
4	Đăng ký cấp các giấy tờ về Hộ tịch cho công dân Việt Nam ở nước ngoài

STT	Tên nhóm dịch vụ
5	Đăng ký trực tuyến Công chứng và Hợp pháp hóa - chứng nhận lãnh sự tại các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài
6	Đăng ký trực tuyến quản lý công dân Việt Nam ở nước ngoài
7	Đăng ký trực tuyến việc nhận nuôi con nuôi, nhận cha mẹ, giám hộ công dân tại Cơ quan đại diện Việt Nam
8	Đăng ký trực tuyến việc xin thôi, trở lại quốc tịch
9	Đăng ký trực tuyến cấp thị thực tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
10	Đăng ký cấp thị thực trực tuyến cho người nước ngoài vào Việt Nam theo mục đích công vụ (Thị thực Ngoại giao đoàn)
11	Dịch vụ ưu đãi miễn trừ dành cho các cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam

IV. BỘ TƯ PHÁP

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
3	Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
4	Đăng ký hợp đồng
5	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư
6	Cấp giấy phép thành lập cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam
7	Cấp giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài
8	Cấp thẻ đấu giá viên
9	Bổ nhiệm công chứng viên
10	Đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam
11	Xin nhập quốc tịch Việt Nam

V. BỘ TÀI CHÍNH

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ hành nghề kế toán
2	Đăng ký danh sách kiểm toán viên hành nghề
3	Đăng ký tham gia kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán
4	Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng
5	Đăng ký dự thi về cấp thẻ thẩm định giá
6	Cấp, đổi thẻ thẩm định viên về giá
7	Đăng ký hành nghề thẩm định giá
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số; sửa đổi, bổ sung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số
9	Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách
10	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ
11	Tiếp nhận hồ sơ Hải quan điện tử
12	Quản lý cấp giấy phép trực tuyến trong lĩnh vực hải quan
13	Quản lý thu thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu
14	Tra cứu thông tin về thuế, trạng thái hồ sơ hải quan
15	Thông báo kế hoạch tổ chức các Hội nghị đối thoại của Cơ quan thuế, các khóa đào tạo tập huấn, các lớp hướng dẫn về chính sách, thủ tục về thuế cho Người nộp thuế để đăng ký tham gia
16	Khai, nộp, hoàn thuế điện tử
17	Cung cấp thông tin về Mã số thuế, số liệu thuế
18	Đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu
19	Đăng ký công ty đại chúng
20	Đăng ký chào mua công khai
21	Đề nghị cấp Giấy phép thành lập, thay đổi hoạt động công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán
22	Đề nghị cấp, đổi chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán

STT	Tên nhóm dịch vụ
23	Đề nghị cấp phép thành lập và đăng ký, thay đổi hoạt động công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
24	Đăng ký chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng
25	Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán
26	Đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
27	Khai báo phiếu giao nhận hồ sơ giao dịch kiểm soát chi qua mạng và giao dịch một cửa với Kho bạc Nhà nước
28	Dịch vụ cổng giao diện thông tin yêu cầu thanh toán qua mạng và chương trình kê khai yêu cầu thanh toán
29	Việc đăng ký mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước
30	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

VI. BỘ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp Giấy phép hoạt động điện lực, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
2	Cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất nguy hiểm
3	Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp
4	Phê duyệt hạn ngạch xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat amôn hàm lượng cao
5	Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat amôn hàm lượng cao
6	Khiếu nại và điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh
7	Thông báo tập trung kinh tế
8	Đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế
9	Điều tra xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ
10	Khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

STT	Tên nhóm dịch vụ
11	Xác nhận/không xác nhận đăng ký sửa đổi/bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham gia chương trình mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc theo hình thức quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP
12	Xác nhận/không xác nhận đăng ký, thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/triển lãm thương mại ở nước ngoài
13	Thẩm định hồ sơ của các doanh nghiệp tham gia chương trình Thương hiệu quốc gia
14	Hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số
15	Cấp Chứng nhận xuất xứ
16	Cấp Giấy phép nhập khẩu tự động
17	Cấp Giấy phép nhập khẩu súng đạn thể thao
18	Quy trình cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu
19	Cấp Giấy phép kinh doanh thuốc lá, rượu
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa lỏng, xăng dầu
21	Cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa
22	Cấp Giấy phép nhượng quyền thương mại giữa thương nhân nước ngoài và thương nhân Việt Nam
23	Phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu tạm nhập tái xuất vật tư, máy móc thiết bị của nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá
25	Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

VII. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Báo cáo danh sách trích ngang đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam không phải cấp Giấy phép lao động
2	Thông báo khi người nước ngoài đến chào bán dịch vụ
3	Thông báo về người nước ngoài đến làm việc

STT	Tên nhóm dịch vụ
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi giấy phép bị mất, bị cháy, bị hư hỏng
5	Đăng ký hợp đồng đối với các doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
6	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập trên 90 ngày
7	Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
8	Kiểm định kỹ thuật an toàn

VIII. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp, đổi giấy phép lái xe
2	Đăng ký các tuyến vận tải
3	Cấp phép lưu hành đặc biệt
4	Cấp phép thủ tục cho tàu ra vào cảng
5	Cấp phép thủ tục thuyền viên
6	Đăng ký tàu biển
7	Cấp giấy phép bay đi, đến, bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam
8	Đăng ký giá cước vận chuyển hành khách nội địa, giá dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không của các hãng hàng không nước ngoài
10	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông
11	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa
12	Đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa

IX. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Hệ thống đăng ký cấp phép tần số qua mạng
2	Giấy chứng nhận đăng ký chương trình liên kết phát thanh truyền hình

STT	Tên nhóm dịch vụ
3	Giấy phép mua tin kinh tế
4	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
5	Công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc "Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy"
6	Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông
7	Dịch vụ khiếu nại, tố cáo
8	Cấp, gia hạn mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử và nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet
9	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư
10	Xác nhận đăng ký là đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài
11	Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát
12	Cấp giấy phép nhập khẩu Tem Bưu chính
13	Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

X. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Xét cấp học bổng chính sách
2	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A, B, C
3	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp
4	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông (đối với giáo dục trung học phổ thông)
5	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông đối với thí sinh tự do
6	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân
7	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú
8	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn
9	Thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên chính

STT	Tên nhóm dịch vụ
10	Liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp
11	Đăng ký mở ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp
12	Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp

XI. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu
2	Cấp chứng chỉ, thẻ hành nghề khử trùng xông hơi
3	Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
4	Thay đổi nhà sản xuất đã ủy quyền, đơn vị đăng ký thuốc bảo vệ thực vật
5	Thay đổi tên thương mại thuốc bảo vệ thực vật
6	Ký hợp đồng khảo nghiệm
7	Cấp giấy đăng ký Kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu
8	Yêu cầu thử nghiệm và ký hợp đồng kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
9	Đăng ký nhập khẩu giống cây trồng, phân bón
10	Đăng ký khảo nghiệm, sản xuất phân bón
11	Cấp phép nhập khẩu thuốc thú y, Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, CITES
12	Cấp, gia hạn giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
14	Kiểm tra và chứng nhận nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản nhập khẩu thức ăn, chất bổ sung thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản
15	Đăng ký kiểm tra và công nhận điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản
16	Đăng ký kiểm tra chứng nhận chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm sản phẩm thủy sản

STT	Tên nhóm dịch vụ
17	Đăng ký đánh giá và chỉ định Phòng kiểm nghiệm nông lâm thủy sản
18	Đăng ký kiểm tra chứng nhận chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm sản và muối
19	Điều chỉnh các dự án khuyến nông, khuyến ngư ở Trung ương
20	Đăng ký danh mục các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư hàng năm

XII. BỘ NỘI VỤ

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự
2	Khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất
3	Khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất
4	Khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất
5	Nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
6	Phục vụ độc giả tại phòng đọc
7	Cấp bản sao
8	Chứng thực lưu trữ

XIII. BỘ Y TẾ

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề y tư nhân qua mạng
2	Cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo
3	Cho phép người nước ngoài làm công việc chuyên môn tại Việt Nam
4	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai giá thuốc
5	Cấp số tiếp nhận công bố sản phẩm mỹ phẩm
6	Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ thông tin, quảng cáo thuốc

STT	Tên nhóm dịch vụ
7	Cấp Giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế
8	Đăng ký thử thuốc trên lâm sàng
9	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm
10	Đăng ký khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chính thức, bổ sung phạm vi sử dụng, đổi tên thương mại, lưu hành lại hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế
12	Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn
13	Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn

XIV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Hệ thống nộp đơn sở hữu công nghiệp trực tuyến
2	Đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn
3	Đăng ký đề nghị tài trợ tổ chức, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, công bố công trình khoa học
4	Đăng ký đề nghị tài trợ thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài
5	Đăng ký hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
6	Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất phát sinh
7	Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp (thuộc trách nhiệm Bộ Khoa học và Công nghệ)
8	Cấp chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ

XV. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Dịch vụ công về bản quyền tác giả
2	Dịch vụ công về di sản
3	Dịch vụ công về văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm
4	Dịch vụ công về văn phòng và thư viện
5	Dịch vụ công về du lịch
6	Dịch vụ công về thể thao

XVI. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
2	Cấp, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
3	Tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản
4	Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
5	Cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân
6	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất
7	Giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân
8	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản
9	Tiếp nhận, xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường
10	Cấp phép về lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu
11	Cấp phép về lĩnh vực Tài nguyên nước

XVII. THANH TRA CHÍNH PHỦ

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký kê khai tài sản, thu nhập cá nhân
2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
3	Thông tin phòng, chống tham nhũng

XVIII. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Mở và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	Đăng ký mẫu séc trắng
3	Cấp mã tổ chức phát hành thẻ
4	Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt
5	Rút khỏi Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng
6	Thu hồi Chứng thư số
7	Tạm dừng Chứng thư số

XIX. ỦY BAN DÂN TỘC

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUY MÔ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

NHÓM A: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

I. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Trung tâm thông tin dữ liệu điện tử Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	
2	Hệ thống xác thực quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	
3	Hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước	Bộ Nội vụ	
4	Trung tâm kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	
5	Đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	
6	Tích hợp các hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan Đảng ở Trung ương, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cấp cao của Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	

II. PHÁT TRIỂN CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc cho các cơ quan Chính phủ	Bộ Thông tin và Truyền thông	

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
2	Hệ thống thư điện tử quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	
3	Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	
4	Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Văn phòng Chính phủ	
5	Hệ thống quản lý, theo dõi chương trình công tác của Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	
6	Mạng thông tin điện tử phục vụ trao đổi thông tin giữa Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước	Văn phòng Chính phủ	
7	Mở rộng, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử Chính phủ, tích hợp các dịch vụ hành chính công trực tuyến trên Internet	Văn phòng Chính phủ	
8	Mở rộng, hoàn thiện hệ thống thư điện tử công vụ của Chính phủ trên Internet, tích hợp xác thực điện tử và chữ ký số	Văn phòng Chính phủ	
9	Hệ thống thông tin giám sát thị trường tài chính	Ủy ban giám sát tài chính quốc gia	
10	Hệ thống thông tin tài chính tích hợp	Bộ Tài chính	
11	Xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống nộp tờ khai thuế qua mạng Internet	Bộ Tài chính	
12	Triển khai thủ tục hải quan điện tử	Bộ Tài chính	
13	Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
14	Hệ thống quản lý thông tin đầu tư nước ngoài	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
15	Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
16	Hệ thống thông tin phân tích và dự báo kinh tế - xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
17	Hệ thống thông tin theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
18	Hệ thống thông tin phục vụ việc theo dõi, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn của Nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
19	Hệ thống thông tin hộ chiếu điện tử	Bộ Công an	
20	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cấp và quản lý chứng minh nhân dân	Bộ Công an	
21	Bệnh án điện tử và quản lý hệ thống khám chữa bệnh	Bộ Y tế	
22	Xây dựng dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	
23	Hệ thống thông tin về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương	Bộ Tư pháp	
24	Hệ thống thông tin thống kê về xây dựng	Bộ Xây dựng	
25	Hệ thống thông tin về liệt sĩ và thương bệnh binh	Bộ Quốc phòng	
26	Hệ thống thông tin kiểm toán nhà nước	Kiểm toán Nhà nước	
27	Hỗ trợ nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp quận, huyện	Bộ Thông tin và Truyền thông	
28	Mạng giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
29	Tin học hóa quản lý giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
30	Xây dựng mới hệ thống phần mềm quản lý, thống kê án kinh tế, lao động, hành chính ngành Tòa án nhân dân và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, thống kê án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình ngành Tòa án nhân dân	Tòa án nhân dân tối cao	
31	Hệ thống thông tin quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải	
32	Hệ thống Thông tin điện tử Văn hóa - xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
33	Xây dựng Trung tâm nguồn lực quốc gia về Phần mềm nguồn mở	Bộ Khoa học và Công nghệ	
34	Mạng thông tin kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
35	Hệ thống thông tin quản lý án hình sự	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	
36	Nâng cấp, mở rộng, ứng dụng phần mềm dùng chung của các cấp Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	
37	Nâng cao năng lực cho Hội Nông dân Việt Nam, xây dựng các điểm khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong hội viên, nông dân	Hội Nông dân Việt Nam	
38	Cổng thông tin điện tử của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	
39	Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa Ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
40	Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
41	Hiện đại hóa hệ thống quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	

III. PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trên Internet	Văn phòng Chính phủ	
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia kinh tế công nghiệp và thương mại	Bộ Công thương	
4	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Biên giới lãnh thổ	Bộ Ngoại giao	
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
7	Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
8	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Công an	
9	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính	Bộ Tài chính	

NHÓM B: NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
	Các nhiệm vụ thường xuyên		
1	Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	
2	Duy trì cập nhật hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin áp dụng trong các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
3	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho giám đốc công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	
4	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp	Bộ Thông tin và Truyền thông	
5	Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	
6	Xây dựng danh mục, cơ chế mua sắm các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	
7	Nghiên cứu xây dựng các quy trình, chuẩn nội dung tích hợp thông tin từ cấp xã, huyện, tỉnh về các Bộ và Văn phòng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	

CÔNG BÁO Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng